

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TNMT ngày 29/10/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy chế biến thủy sản Xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh”;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh” (Đoàn kiểm tra);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4418/TTr-STNMT ngày 03/10/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Nam Hà Tĩnh và hồ sơ kèm theo; ý kiến của Đoàn kiểm tra tại Văn bản số 2127/STNMT-MT ngày 17/6/2022; Văn bản chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện số 48/CV-MT ngày 17/9/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Nam Hà Tĩnh), Văn bản giải trình, bổ sung số 4952/STNMT-MT ngày 30/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường, ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Nam Hà Tĩnh (địa chỉ tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh;

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 02, Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3000105819 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 05/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 01/4/2020;

1.4. Mã số thuế: 3000105819;

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản;

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) Phạm vi, quy mô:

Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh” tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xây dựng trên diện tích 37.132,3m², bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính (diện tích 3.176m²), gồm: Xưởng chế biến đông lạnh; Nhà điều hành sản xuất + nhà khách (2 tầng); Xưởng sản xuất đá cây 24 tấn/ngày; Nhà công nhân chờ thay ca.

- Hạng mục công trình phụ trợ (diện tích 23.406,3m²), gồm: Nhà kho chứa vật tư bao bì; Nhà ăn ca; Hệ thống cấp nước sản xuất, sinh hoạt; Nhà để xe; Trạm biến thế; Đường giao thông nội bộ; Cây xanh, vườn hoa,...

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường (diện tích 10.550m²), gồm: Hệ thống xử lý nước thải; Hồ sự cố; Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt; Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại,...

b) Công suất hoạt động của cơ sở: Chế biến thủy, hải sản đông lạnh, công suất 850 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Nam Hà Tĩnh (đơn vị đề xuất), UBND thị xã Kỳ Anh (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Nam Hà Tĩnh sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vũng Áng - Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Công ty CP XNK thủy sản Nam Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Bái Hà

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT ngày ____ / ____ /2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ các khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý ở các bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình được dẫn cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, nhà ăn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý cùng với nước thải sản xuất trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vũng Áng I.

- *Nước thải sản xuất:* Nước thải sản xuất từ xưởng chế biến đông lạnh được thu gom dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vũng Áng I.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vũng Áng I (để tiếp tục xử lý) sau đó thải ra sông Quyền.

2.2.2. Tọa độ vị trí đầu nối:

Tọa độ vị trí đầu nối nước thải sau xử lý: X(m) = 1996830; Y(m) = 0591134 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất của Nhà máy là $192 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $8 \text{ m}^3/\text{h}$), trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng lớn nhất là $32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $1,33 \text{ m}^3/\text{h}$);

- Nước thải sản xuất: lưu lượng lớn nhất là $160 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $6,67 \text{ m}^3/\text{h}$).

2.2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải tại bể lọc, khử trùng được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của KCN bằng phương thức tự chảy để dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vũng Áng I.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: xả liên tục, 24 giờ/ngày.

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

Chất lượng nước thải của Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vũng Áng I phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối, ngày 03/8/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty CP XNK Thủy sản Nam Hà Tĩnh). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ ở 20 °C	mg/l	49,5
3	COD	mg/l	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	99
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	19,8
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	59,4
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	19,8
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	19,8
9	Clo dư	mg/l	1,98
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

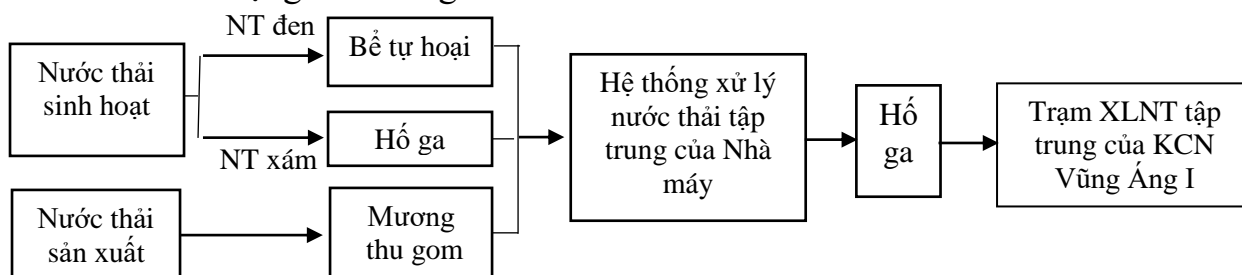
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh bao gồm: Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (nước thải đen) được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 50m³/bể) và nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, giặt, rửa tay chân,... (nước thải xám) được dẫn qua song chắn rác, sau đó được dẫn bằng mương kín (DxRxC: 30x30x20cm), chiều dài 410m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

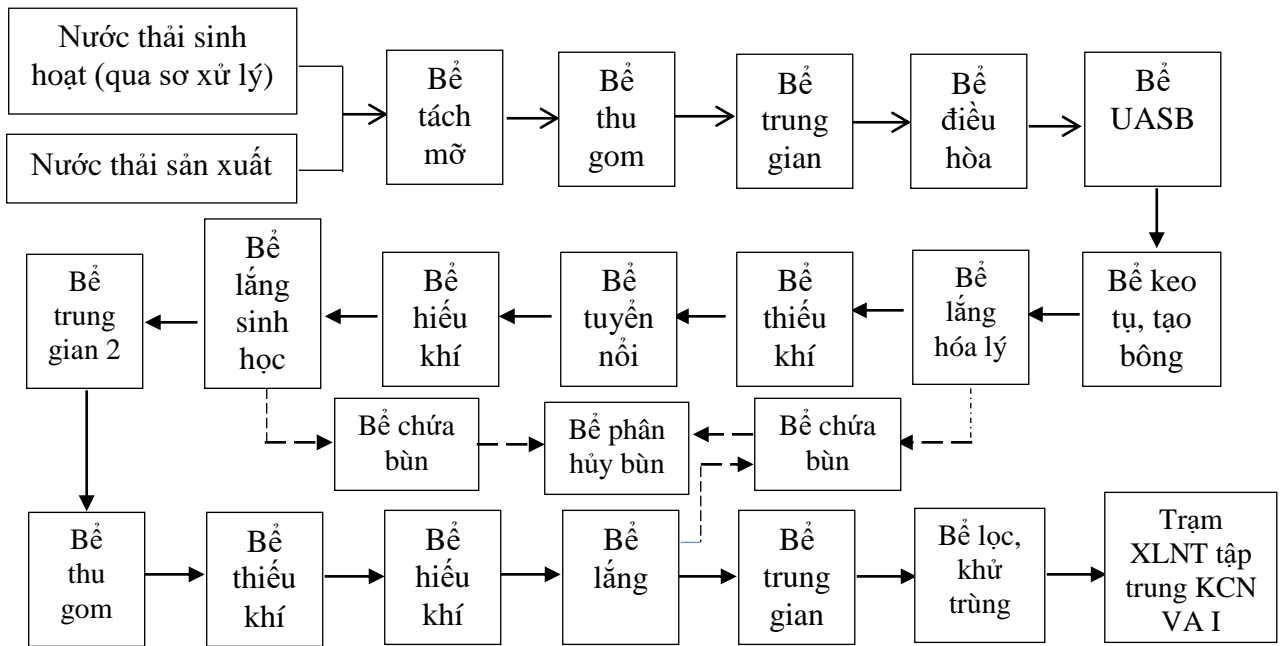
- Nước thải sản xuất: toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ các khâu sản xuất được thu gom bằng mương kín (kích thước DxRxC: 30x30x20cm, chiều dài 185m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vũng Áng I bằng ống PVC $\Phi = 125$, chiều dài 60m.

Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải như sau:



1.2. Công trình, thiết bị hệ thống xử lý nước thải:

* Tóm tắt quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải:



- Công trình xử lý sinh học bậc 1:

Công nghệ xử lý: Nước thải Nhà máy → Bể tách mỡ → Bể thu gom → Bể trung gian → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể tuyển nổi → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Công trình xử lý sinh học bậc 2.

- Công trình xử lý sinh học bậc 2:

Công nghệ xử lý: Nước thải sau bể trung gian 2 của công trình xử lý sinh học bậc 1 → Bể thu gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể lọc, khử trùng → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vũng Áng I.

Thẻ tích các bể trong hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Thể tích (m ³)
I	Công trình xử lý sinh học bậc 1	
1	Bể tách mỡ	42
2	Bể thu gom	24
3	Bể trung gian	30,8
4	Bể điều hòa	79,8
5	Bể UASB	85,5
6	Bể keo tụ tạo bông	12
7	Bể lắng hóa lý	38,5
8	Bể thiếu khí	25
9	Bể hiếu khí	136,8
10	Bể tuyển nổi	15,4
11	Bể lắng sinh học	38,5
12	Bể trung gian 2	21,6
13	Bể chứa bùn	9
14	Bể phân hủy bùn	12,8
II	Công trình xử lý sinh học bậc 2	
1	Bể thu gom	31,5
2	Bể thiếu khí	52
3	Bể hiếu khí	52

4	Bể lắng	53,2
5	Bể chứa bùn	36,8
6	Bể trung gian	6,7
7	Bể lọc, khử trùng	4,3

* Công suất thiết kế: 250m³/ngày đêm (10,5m³/giờ)

* Hóa chất, vật liệu sử dụng trong xử lý nước thải:

+ Clo: 22,5kg/tháng.

+ Hóa chất xử lý keo tụ PAC: 12kg/tháng.

1.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tại hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra; kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các công trình trong hệ thống xử lý nước thải.

- Các biện pháp ứng phó:

+ Khi sự cố xảy ra tiến hành đóng van xả thải sau xử lý.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại. Trường hợp chưa khắc phục được thì phải dừng hoạt động sản xuất để xử lý xong sự cố.

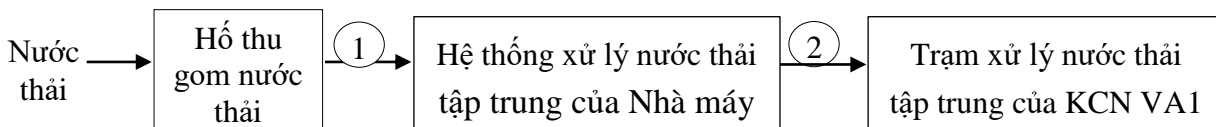
+ Xử lý quay vòng nước thải đến khi xử lý đạt yêu cầu theo thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý vận hành Trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vũng Áng 1 (Biên bản thỏa thuận đầu nối, ngày 03/8/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty CP XNK Thủy sản Nam Hà Tĩnh).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:



- Vị trí số 01: tại hồ thu gom nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Tọa độ: X(m) = 1996852, Y(m) = 0591061 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^o30', múi chiếu 3^o);

- Vị trí số 02: tại bể chứa nước thải đầu ra sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy. Tọa độ: X(m) = 1996841, Y(m) = 0591102 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^o30', múi chiếu 3^o).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung tại Mục 2.2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 12/2024) của giai đoạn vận hành ổn định Hệ thống xử lý nước thải tập

trung Nhà máy (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu đầu vào và 1 mẫu đầu ra; từ ngày thứ 2 trở đi lấy 1 mẫu đầu ra/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải;

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Nhà máy chủ yếu từ máy làm đá lạnh, hoạt động của các máy móc trong quá trình sản xuất, phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng,...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Vị trí đặt máy làm đá lạnh, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m) = 1996972; Y(m) = 0590896;

- Vị trí đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m) = 1996995; Y(m) = 0590872;

- Đối với các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy và máy móc thiết bị khác trong quá trình sản xuất,.. là nguồn phân tán, không xác định vị trí.

3. Tiếng ồn tại các khu vực trong Nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị tiên tiến, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn phát ra tại các khu vực Nhà máy.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.

- Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực hành chính, nhà nghỉ công nhân và lắp đặt thiết bị chống ồn, chống rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.

- Sử dụng máy phát điện có vỏ chống ồn và bộ giảm thanh, xây dựng nhà đặt máy phát điện riêng biệt, cách xa khu văn phòng, khu nhà nghỉ ca và lắp đặt các tấm đệm cao su ở các chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.

- Tăng cường trồng cây xanh quanh hàng rào Nhà máy và ngăn cách giữa các khu chức năng trong khuôn viên Nhà máy theo đúng quy hoạch được duyệt

nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ Nhà máy và hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, phát sinh:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	18	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	36	17 02 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	KS	22,6	18 02 01
Tổng cộng			76,8	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao bì đựng sản phẩm, với khối lượng khoảng 1.200kg/tháng;
- Chất thải từ quá trình sản xuất (Phế phẩm sinh học) với khối lượng khoảng 9.900kg/tháng;
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, khoảng 10m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên, bao gồm: bao nylon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, chai lon, rau củ quả, thức ăn dư thừa...; khối lượng phát sinh khoảng 750kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 100lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong Kho lưu giữ CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu chứa được xây dựng trên diện tích khoảng 10m², chiều cao 03m, tường bằng gạch, kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, nền láng xi măng, cửa thép chống cháy; kho được chia làm 02 ngăn (01 ngăn để các thùng đựng chất thải rắn và 01 ngăn để các thùng chất thải lỏng).

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở có trách nhiệm thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng có thể tích 200 lít, có nắp đậy để chứa phế phẩm sinh học;

2.2.2. Khu vực lưu chứa: 01 nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 50 m², lợp mái tôn, xung quanh có tường bao hở, nền bê tông.

2.2.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

- Các phế phẩm sinh học: Chủ cơ sở hợp đồng với các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom và sử dụng phế phẩm của Nhà máy theo đúng quy định.

- Bao bì đựng sản phẩm được thu gom và định kỳ bán phế liệu.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn thải từ các bể tự hoại: được hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: bố trí 06 thùng thể tích 60 lít/thùng tại các phòng làm việc hành chính; 06 thùng, thể tích 30 lít/thùng tại các phòng vệ sinh; 03 thùng, thể tích 30 lít/thùng tại khu vực nhà nghỉ ca của cán bộ, công nhân viên; 03 thùng, thể tích 90 lít/thùng trong khuôn viên nhà máy,.... Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau để thực hiện phân loại tại nguồn, bao gồm: Chất thải rắn tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20m², mái che lợp tôn, nền bằng bê tông.

2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton) hoặc các loại có nguồn gốc kim loại (như các lon đựng nước giải khát,...) sau khi được phân loại, thu gom và định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác được phân loại riêng, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh thẩm duyệt, nghiệm thu theo quy định.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống nhà cửa, công trình công cộng, cây xanh, cột đèn; chặt cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Lập nội quy an toàn lao động, tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động và tập huấn cho toàn bộ công nhân làm việc theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Người lao động phải được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân như găng tay, mũ, ủng bảo hộ, bông nút tai... theo công việc phân công.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại xưởng. Trang bị đầy đủ cơ sở thuốc và dụng cụ y tế cần thiết, tổ chức tập huấn sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về máy móc thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm và chế độ lao động theo đúng luật lao động và Luật bảo hiểm quy định cho cán bộ công nhân làm việc tại xưởng.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.